

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 22 - 7- 2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Thiết**

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tuấn Kiệt**

2. Ông **Trần Thanh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Ngọc Thuý Vy** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2023 về việc “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự;

1. **Nguyên đơn:** Anh **Đ*** T** T*******, sinh năm 1980; Nơi cư trú: t10, k3, pCV, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – Xin vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Chị **N***** T** T** L*****, sinh năm 1987; Nơi cư trú: aTTA, xTA, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2024, anh **Đ*** T** T******* trình bày: Trước đây anh **Đ*** T** T******* và chị **N***** T** T** L***** có quen biết tìm hiểu nhau sau đó có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cái Vồn, huyện Bình Minh (nay là phường Cái Vồn, thị xã Bình

Minh), tỉnh Vĩnh Long số 37 ngày 16/3/2007. Trong thời gian sống chung chúng tôi có 02 con chung tên Đ*** N***** N*** A** T**, sinh ngày 30/3/2007 và Đ*** N***** G** H**, sinh ngày 05/10/2014, hiện anh T***** đang quản lý và nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình chung sống do quan điểm ngày càng khác nhau nên vợ chồng tôi thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng tôi đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay anh T***** yêu cầu được ly hôn với chị N***** T** T** L***.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đ*** N***** N*** A** T**, sinh ngày 30/3/2007 và Đ*** N***** G** H**, sinh ngày 05/10/2014. Anh T***** yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung Đ*** N***** N*** A** T** và Đ*** N***** G** H**, anh T***** không yêu cầu chị L*** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu, phải trả: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị N***** T** T** L*** được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không cung cấp bản khai ý kiến về các vấn đề của nguyên đơn yêu cầu, không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn anh Đ*** T** T***** có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị N***** T** T** L*** được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh đã thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào **khoản 2, Điều 21** của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án

không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Xét việc, anh Đ*** T** T***** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại **điểm a khoản 1 Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chị N***** T** T** L*** được triệu tập hợp lệ tham dự phiên hòa giải, thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ngày giờ xét xử đến lần thứ hai, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, có thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng; Căn cứ vào **điểm b, khoản 2 Điều 227** Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[3] Xét mối quan hệ gia đình giữa anh Đ*** T** T***** và chị N***** T** T** L*** **có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán**, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa anh T***** và chị L*** có nhiều mâu thuẫn như: **Do quan điểm ngày càng khác nhau nên vợ chồng thường xuyên xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày. Anh T***** và chị L***** đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Từ đó làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình.** Tòa án đã mời hòa giải nhiều lần, nhằm giúp hai bên đoàn tụ và cho hai bên có thời gian hàn gắn tình cảm, nhưng anh, chị không trở về đoàn tụ được. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T*****.

Cho anh Đ*** T** T***** được ly hôn với chị N***** T** T** L***.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Đ*** N***** N*** A** T**, sinh ngày 30/3/2007 và Đ*** N***** G** H**, sinh ngày 05/10/2014, hiện anh T***** đang quản lý và nuôi dưỡng. Anh T***** yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị L*** cấp dưỡng.

Xét thấy, anh T*** và chị L*** ly thân từ năm 2018 cho đến nay cả 02 con chung đều sống chung với anh T***** nên việc giao 02 con chung cho anh T***** trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo điều kiện phát triển thể chất và học tập của 02 cháu. Yêu cầu trên phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung được nêu trong bản tự khai ngày 25/4/2024. Việc anh T***** yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở chấp nhận.**

Về yêu cầu cấp dưỡng: Anh T***** không yêu cầu giải quyết. Chị L*** không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh T***** không yêu cầu giải quyết. Chị L*** không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh T***** không yêu cầu giải quyết. Chị L*** không có ý kiến phản bác, không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Anh Đ*** T** T***** phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012655, ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên anh T***** không phải nộp thêm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm a, khoản 1 Điều 238 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử;

Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Đ*** T** T*****.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Đ*** T** T***** được ly hôn với chị N***** T** T** L***.

2/ Về con chung: Cho anh Đ*** T** T***** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung: Đ*** N***** N*** A** T**, sinh ngày 30/3/2007 và Đ*** N***** G** H**, sinh ngày 05/10/2014 (hiện do anh T***** quản lý và nuôi dưỡng). Do anh T***** chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị L*** chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N***** T** T** L*** có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

3/ Về tài sản chung: Anh T***** không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

4/ Về nợ chung: Anh T***** không yêu cầu giải quyết, không xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Anh Đ*** T** T***** phải chịu số tiền án phí là: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn; Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012655, ngày 10/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh, nên anh T***** không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Về quyền kháng cáo: **Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TX Bình Minh;
- CC THADS TX Bình Minh;
- UBND phường Cái Vồn, thị xã Bình Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Minh Thiết